

Số: 212/2022/QĐST-HNGĐ

Thành phố Huế, ngày 13 tháng 5 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 217/2022/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2022, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Ngọc B, sinh năm 1983; Địa chỉ: Khu chung cư H, dãy G1, phòng 313, phường H, thành phố H, tỉnh T.

- Bị đơn: Anh Lê Mỹ Văn P, sinh năm 1979; Địa chỉ: Khu chung cư dãy H dãy G1, phòng 313, phường H, thành phố H, tỉnh T.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05 tháng 05 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05 tháng 5 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị Ngọc B và anh Lê Mỹ Văn P.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Chị Trần Thị Ngọc B và anh Lê Mỹ Văn P xác nhận vợ chồng có bốn con chung là: Lê Trần Văn O, sinh năm 08/6/1999; Lê Trần Văn H, sinh năm 25/12/2000; Lê Trần Thị Bích N, sinh năm 24/7/2002, Lê Trần Thị Ngọc I, sinh ngày 04/6/2006. Khi ly hôn các đương sự thoả thuận giao cháu Lê Trần Thị Ngọc I cho chị Trần Thị Ngọc B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến tuổi trưởng thành. Cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu I. Chị Trần Thị Ngọc B không yêu cầu anh Lê Mỹ Văn P cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Đối với các cháu Lê Trần Văn O, cháu Lê Trần Văn H, cháu Lê Trần Thị

Bích N đã đủ tuổi trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hiện nay cả bốn con chung đang ở với anh Phương tại Khu chung cư dãy H dãy G1, phòng 313, phường H, thành phố H.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2.2. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Trần Thị Ngọc B và anh Lê Mỹ Văn P xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về án phí: Chị Trần Thị Ngọc B tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng); Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số AA/2021/0003174 ngày 20 tháng 4 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế; Chị Trần Thị Ngọc B đã nộp đủ án phí và được hoàn trả lại số tiền 150.000 đồng.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND tỉnh TT-Huế;
- VKSND thành phố Huế;
- Chi cục THADS TP. Huế;
- UBND phường L, TP Hu;
- (ĐKKH số 177 ngày 19/11/2002)
- Lưu: HSPA, HNGĐ.

THẨM PHÁN

Trương Thị Đào Vi